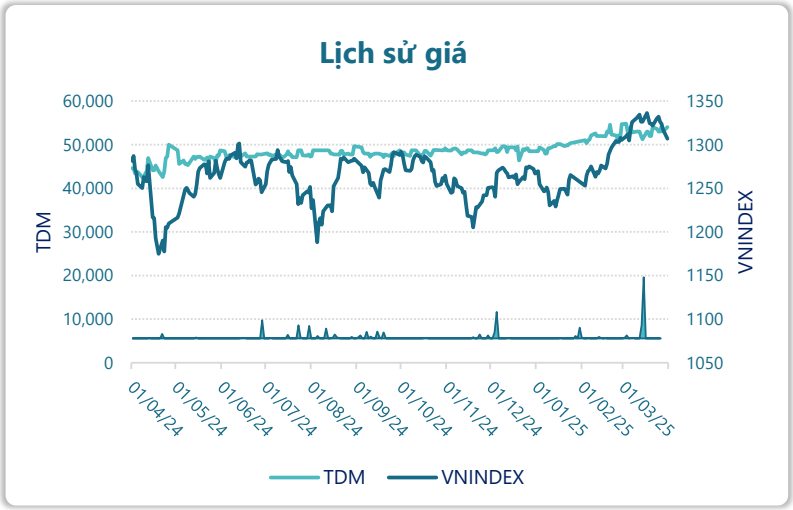
FireAnt

CTCP Nước Thủ Dầu Một (HSX: TDM)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**54,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	54,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	42,177
SL cổ phiếu LH	110,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	42,735
% sở hữu nước ngoài	3.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,940
P/E	19.1
EPS	2,824

DT thuần

Q1/25

100

tỷ VNĐ

QoQ: ▼45.0| -31.0%

YoY: ▼6.00| -5.6%

LN sau thuế

Q1/25

144

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 86.4| 150%

YoY: ▲ 107| 283%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

43.1%

+/- YoY: ▼ 17.3%

DT thuần

2024

544

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.0| 2.2%

LN sau thuế

2024

204

tỷ VNĐ

YoY: ▼79.0| -27.9%

ROE

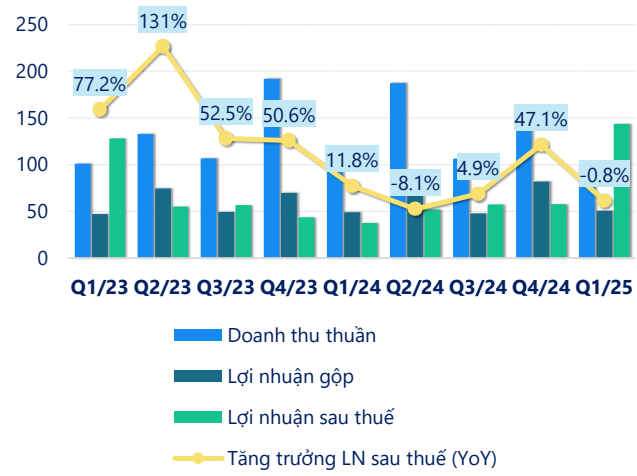
2024

9.0%

+/- YoY: ▼ 4.9%

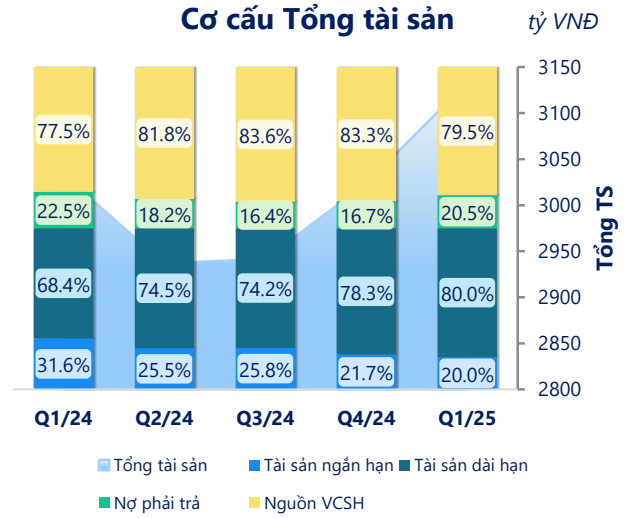
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



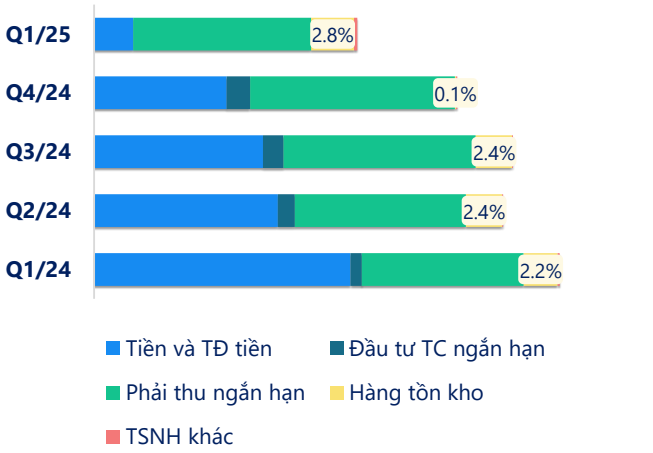
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



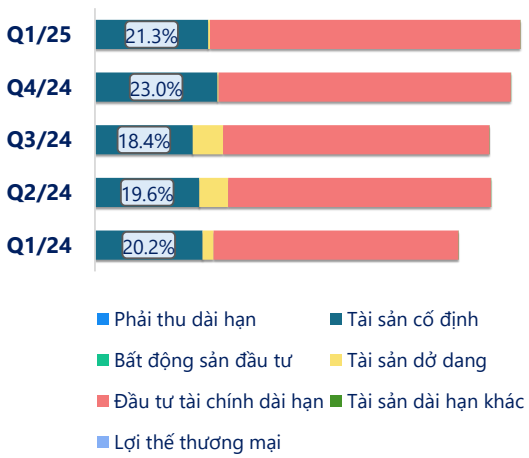
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



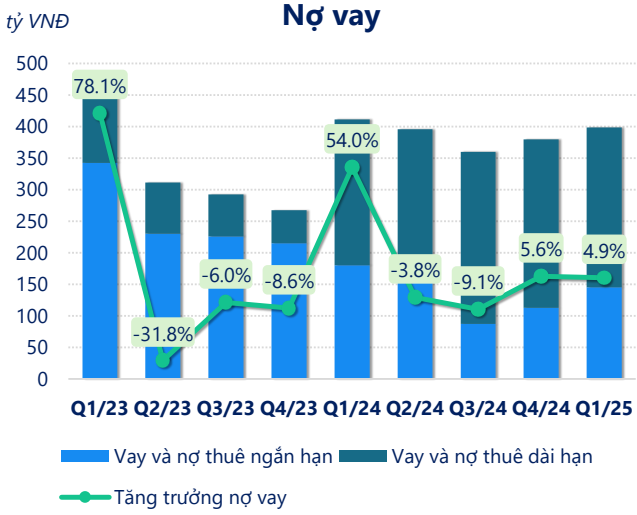
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



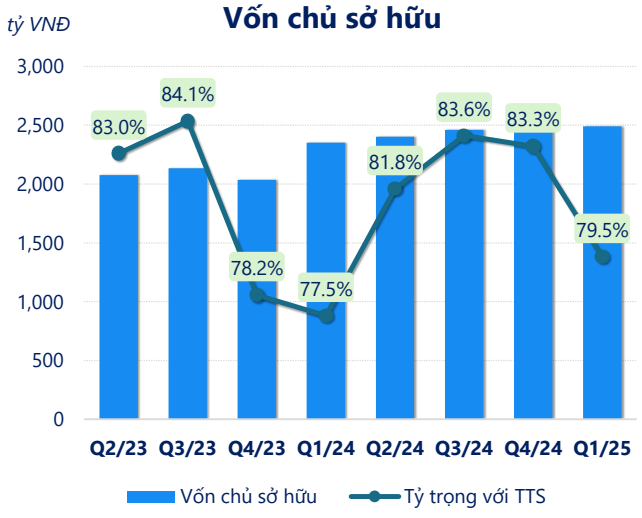
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



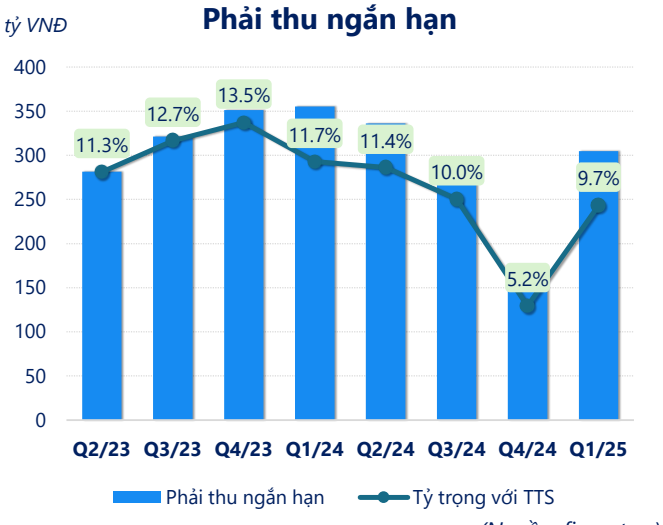
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



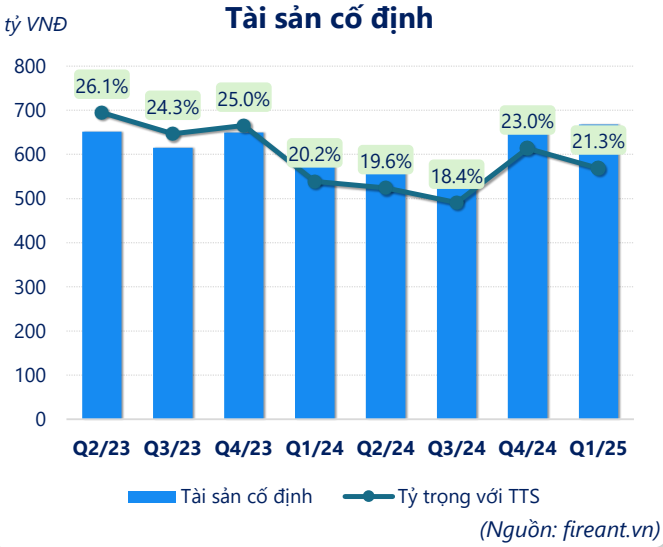
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



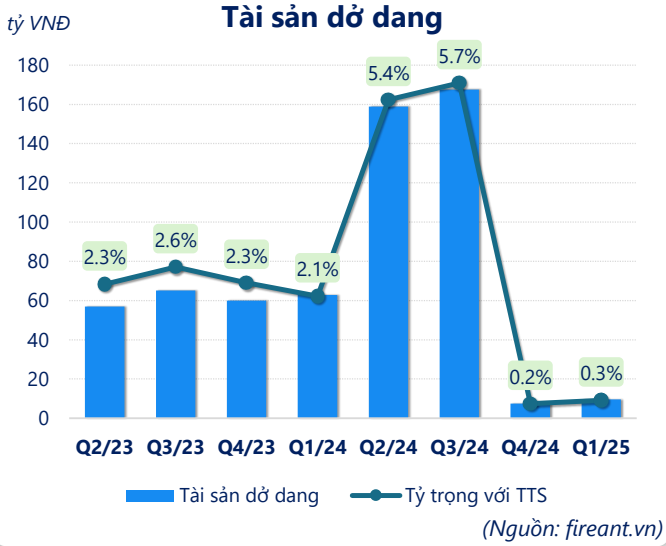
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



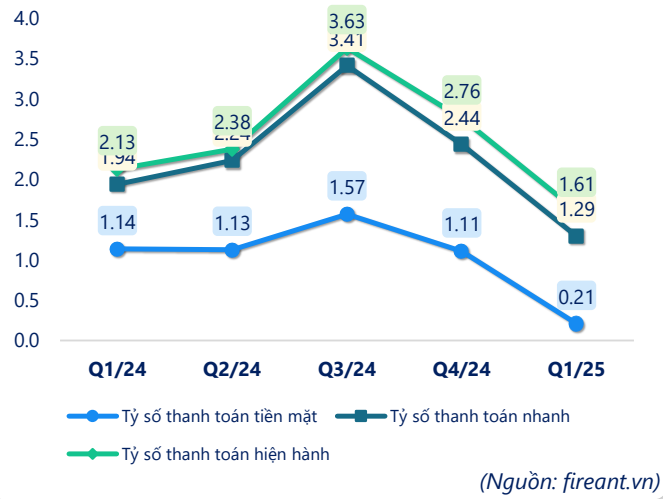
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



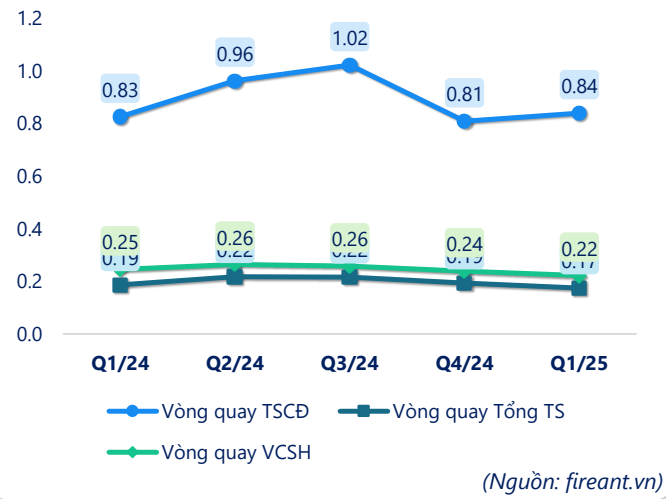
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**3,033**	**2,937**	**2,942**	**3,024**	**3,133**
Tài sản ngắn hạn	**959**	**749**	**758**	**657**	**626**
Tiền và tương đương tiền	512	355	327	264	80.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	10.0	90.0	157	113
Phải thu ngắn hạn	355	336	295	156	305
Hàng tồn kho	85.6	44.1	45.8	77.3	124
Tài sản ngắn hạn khác	6.44	3.07	0.58	2.93	4.50
Tài sản dài hạn	**2,074**	**2,188**	**2,183**	**2,366**	**2,507**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	613	577	542	696	668
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	62.9	159	168	7.48	9.53
Đầu tư tài chính dài hạn	1,397	1,451	1,474	1,662	1,829
Tài sản dài hạn khác	0.89	0.81	0.65	0.48	0.33
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**682**	**533**	**481**	**505**	**641**
Nợ ngắn hạn	**450**	**315**	**209**	**238**	**388**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	180	177	87.4	112	145
Phải trả người bán ngắn hạn	13.9	19.3	6.00	6.57	8.80
Nợ dài hạn	231	219	272	267	253
Vay và nợ thuê dài hạn	231	219	272	267	253
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,351**	**2,403**	**2,461**	**2,518**	**2,492**
Vốn chủ sở hữu	**2,351**	**2,403**	**2,461**	**2,518**	**2,492**
Vốn điều lệ	1,100	1,100	1,100	1,100	1,100
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)